

Bản án số: 602/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 380/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 222/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 283/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng C

Trụ sở: 442 đường K, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T1 – sinh năm 1971; Chức danh: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị Thanh T2 – sinh năm 1990 (Theo Giấy ủy quyền số: 127/QLN.19 ngày 22/4/2019). Có mặt

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB Tower, số 444A-446 đường C, Phường G, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Lương T1 – sinh năm 1960

Địa chỉ: 97 đường S, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Lương T3 vắng mặt lần thứ 2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Lan P – sinh năm 1960

Địa chỉ: 97 đường S, Phường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Phạm Thị Lan P vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/4/2019 của Nguyên đơn - Ngân hàng C (sau đây gọi là Ngân hàng) cùng trình bày của bà Thái Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thì: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số: 4212188001850 ngày 11/6/2012 của ông Trần Lương T3 (sau đây gọi là Bị đơn); Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các văn bản xác nhận của Bị đơn đối với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho Bị đơn nội dung: Số thẻ: 4791 3926 0003 8182; Ngày cấp: 06/7/2012; Loại thẻ: Visa; Hạn mức thẻ: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Hiệu lực thẻ: Tháng 7/2015; Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Biểu lãi suất và phí do Ngân hàng phát hành trong từng thời kỳ.

Quá trình sử dụng thẻ Bị đơn đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Ngày 21/7/2015, Ngân hàng đã chuyển khoản dư nợ thẻ của Bị đơn sang nợ quá hạn và ngày 24/7/2015 Ngân hàng thông báo quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ của Bị đơn trước hạn. Tính đến ngày 08/4/2019, Bị đơn còn nợ Ngân hàng 94.567.847đ nợ gốc và 146.362.167đ tiền lãi. Nay Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải trả ngay số nợ trên; Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng kể từ ngày 09/4/2019 đến ngày trả dứt nợ; Bị đơn phải trả nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, lãi quá hạn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập cho Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Lan P để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Bà Thái Thị Thanh T2 là Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng trình bày: Sau khi được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng, Bị đơn đã sử dụng thẻ để chi tiêu cho nhu cầu cá nhân và thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Do Bị đơn thanh toán không đầy đủ nên ngày 21/7/2015 Ngân hàng đã chuyển dư nợ thẻ của Bị đơn sang nợ quá hạn và ngày 24/7/2015 Ngân hàng thông báo quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ của Bị đơn trước hạn. Tính đến ngày 29/11/2019, Bị đơn còn nợ 267.415.488đ trong đó: Nợ gốc: 94.567.847đ; Nợ lãi: 172.847.641đ. Nay Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải trả ngay số nợ trên, Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng, Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng kể từ ngày 30/11/2019 đến ngày trả hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với Bị đơn do Bị đơn cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – bà Thái Thị Thanh T có mặt. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị Lan P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 267.415.488đ trong đó: Nợ gốc: 94.567.847đ; Nợ lãi: 172.847.641đ Hội đồng xét xử nhận định:

- Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số: 4212188001850 ngày 11/6/2012 của ông Trần Lương Toàn; Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ngày 11/6/2012 giữa Bị đơn và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thẻ.

- Ngày 06/7/2012 Ngân hàng cấp cho Bị đơn thẻ tín dụng Visa vàng; Số thẻ: 4791 3926 0003 8182; Hạn mức thẻ: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Hiệu lực thẻ: Tháng 7/2015.

- Theo bảng chiết tính của Ngân hàng, đến ngày 12/11/2019 số nợ còn lại của Bị đơn đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng là 267.415.488đ trong đó: Nợ gốc: 94.567.847đ; Nợ lãi: 172.847.641đ.

Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án và không đến Tòa án để giải quyết việc kiện của Ngân hàng đối với Bị đơn nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bà Thúy là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc, lãi đến ngày 29/11/2019 là 267.415.488đ.

[5] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ tháng 7/2015 đến nay Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên việc Ngân hàng yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc Bị đơn phải thanh toán nợ cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về địa điểm thi hành án: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[8] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Bị đơn phải chịu 13.370.774đ án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng 6.023.050đ tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Ngân hàng C.

a/ Buộc ông Trần Lương T3 có trách nhiệm trả ngay cho Ngân hàng C 267.415.488đ (Hai trăm sáu mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm ngàn bốn trăm tám mươi tám đồng) trong đó: Nợ gốc: 94.567.847đ; Nợ lãi: 172.847.641đ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/6/2012.

b/ Buộc ông Trần Lương T3 có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng C tiền lãi phát sinh từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng ngày 11/6/2012.

2/ Về án phí: Ông Trần Lương T3 phải chịu 13.370.774đ (Mười ba triệu ba trăm bảy mươi ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng C 6.023.050đ (Sáu triệu không trăm hai mươi ba ngàn không trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038814 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Ngân hàng C được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Lương T3, bà Phạm Thị Lan P được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương